

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05/12/2017

“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vy;

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thúc Mỹ, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Dương Phước An, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, số 60 Nguyễn Huệ, thành phố Huế xét xử công khai vụ án thụ lý số: 267/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2017 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 24 TP, phường PV, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Anh Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 19 Khu Vực TĐ, phường TB, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 31/5/2017, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Ng trình bày:

Chị với anh Lê Anh Đ có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm rồi đi đến hôn nhân, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục vào khoảng tháng 10/2011, đến ngày 21/5/2012 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà của bố mẹ chồng tại tổ 19, khu vực TĐ, phường TB, thành phố H khoảng 3 năm. Sau khi sinh 3 cháu sau thì về nhà bố mẹ ruột để ở. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Đ ham chơi, không lo làm ăn, nghiện ngập, gây gỗ, đánh đập chị. Sau khi sinh 3 đứa con sau thì anh Đ không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị đã về nhà bố mẹ ruột để ở từ tháng 9/2014 cho đến nay. Nay do không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 04 người con chung là Lê Nguyễn Yến Nh, sinh ngày 24/3/2012, Lê Nguyễn Bảo A, sinh ngày 10/9/2014, Lê Nguyễn Trâm A, sinh ngày 10/9/2014 và Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 10/9/2014. Hiện 4 con đang ở với chị. Chị có yêu cầu nuôi cả 4 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*. Phía bị đơn anh Lê Anh Đ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đ đến làm việc trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng anh Lê Anh Đ đều vắng mặt. Tại Đơn xin xử vắng mặt đề ngày 01/12/2017 anh Đ trình bày giữa anh và chị Ng có 04 người con chung, anh mong muốn được nuôi dưỡng cháu đầu là Lê Nguyễn Yến Nh, vì chị Ng nuôi cả 4 cháu là không thể đảm đương được. Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng, về phía bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng, cho chị Ng ly hôn anh Đ. Về con chung: Giao 4 con chung cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Không chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh Đ. Chị Ng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ng khai không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Anh Đ vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của đương sự, qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình của đương sự cũng như tại phiên tòa, đã có cơ sở kết luận: Chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh Lê Anh Đ có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm rồi đi đến hôn nhân, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục vào khoảng tháng 10/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thủy Biều, thành phố Huế vào ngày 21/5/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà của bố mẹ anh Đ tại tổ 19, khu vực TĐ, phường TB, thành phố H thời gian khoảng 3 năm. Sau đó chị Ng sinh 3 cháu (sinh 3) thì về nhà bố mẹ ruột để ở. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Đ ham chơi, không lo làm ăn, nghiện ngập, gây gỗ, đánh đập chị, không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Ng đã về nhà bố mẹ ruột để ở từ tháng 9/2014 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Phía anh Lê Anh Đ, Tòa án đã triệu tập nhiều lần đến làm việc, nhưng đều vắng mặt, thể hiện anh Đ không quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng. Với tình hình mâu thuẫn như

trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng cho chị Ng được ly hôn anh Đ là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị Ng và anh Đ có 04 con chung là Lê Nguyễn Yến Nh, sinh ngày 24/3/2012, Lê Nguyễn Bảo A, sinh ngày 10/9/2014, Lê Nguyễn Trâm A, sinh ngày 10/9/2014 và Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 10/9/2014. Hiện 4 cháu đang ở với chị Ng. Nguyên vọng của chị Ng được nuôi cả 4 con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung; anh Đ yêu cầu được nuôi cháu Lê Nguyễn Yến Nh. Xét về điều kiện nuôi con, hiện nay 4 cháu đang ở với chị Ng tại nhà của bố chị Ng, chị Ng cùng gia đình đã chăm sóc 4 cháu từ tháng 9/2014 cho đến nay. Hiện chị Ng đang đi làm có công việc và thu nhập ổn định, thời gian chị đi làm theo ca thì có bố và người thân trong gia đình chăm sóc 4 cháu. Đối với anh Đ hiện công việc không ổn định, anh cho rằng anh mới cai nghiện xong, chỉ có thể đi làm lại, nhưng chưa có việc làm ổn định. Hiện tại anh Đ ở với người em trai. Cả 4 cháu hiện đang ở với chị Ng, các cháu đang còn nhỏ, xét về mọi mặt nên giao cả 4 cháu cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Ng; không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Đ.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Ng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng và anh Đ xác định không có, chị Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim Ng phải chịu theo luật định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim Ng, cho chị Nguyễn Thị Kim Ng được ly hôn anh Lê Anh Đ.

2. Về con chung: Giao 04 con chung là Lê Nguyễn Yến Nh, sinh ngày 24/3/2012, Lê Nguyễn Bảo A, sinh ngày 10/9/2014, Lê Nguyễn Trâm A, sinh ngày 10/9/2014 và Lê Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 10/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Kim Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Ng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ng và anh Đ xác định không có, chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim Ng phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị Ng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 002879 ngày 05/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế, nên chị Ng không phải nộp.

Án xử sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- UBND phường Thủy Biều,
TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu án.

Trần Dũng